

Số: 1751 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 12 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư phát triển
nguồn ngân sách nhà nước năm 2015 - tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐND ngày 30/7/2015 của HĐND tỉnh về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2015, tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 937/TTr-SKHĐT ngày 10/8/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2015 cho các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã và các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh thực hiện (có các biểu kế hoạch chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ kế hoạch được giao, các chủ đầu tư nhanh chóng tổ chức thực hiện, phân đấu hoàn thành nhiệm vụ giải ngân kế hoạch năm 2015.

Quyết định này thay thế các Quyết định: số 2875/QĐ-UBND ngày 26/12/2014, số 2876/QĐ-UBND ngày 26/12/2014, số 86/QĐ-UBND ngày 13/01/2015, số 120/QĐ-UBND ngày 19/01/2015, số 471/QĐ-UBND ngày 10/3/2015, số 482/QĐ-UBND ngày 11/3/2015, số 613/QĐ-UBND ngày 01/4/2015, số 764/QĐ-UBND ngày 20/4/2015, số 880/QĐ-UBND ngày 12/5/2015, số 881/QĐ-UBND ngày 12/5/2015, số 892/QĐ-UBND ngày 12/5/2015, số 1193/QĐ-UBND ngày 12/6/2015 và số 1283/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của UBND tỉnh.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- HĐND các huyện, thị xã;
- LĐVP, các Phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT. (Thg-12/8)



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Trâm

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN XDCB TẬP TRUNG NĂM 2015
(Kèm theo Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC	Đã ghi kế hoạch vốn đến năm 2014	KẾ HOẠCH NĂM 2015						GHI CHÚ	
			TỔNG CỘNG	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Vốn vay Chương trình KCH kênh mương, CSHT, GTNT	Vốn hỗ trợ theo mục tiêu NSTW		Vốn nước ngoài (ODA)
	TỔNG CỘNG (A+B)	1.997.500	1.792.903	530.431	414.220	331.860	81.052	417.340	18.000	
A	VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ	831.000	1.403.183	380.931	174.000	331.860	81.052	417.340	18.000	
A1	HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP CÔNG ÍCH	1.000	1.000	1.000						
A2	TRẢ NỢ VAY	100.000	100.000	100.000						
I	Vay Chương trình KCH kênh mương, GTNT	100.000	100.000	100.000						
A3	VỐN CHUÁN BỊ ĐẦU TƯ	22.875	22.875	7.375		15.500				
A4	VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN	707.125	1.279.308	272.556	174.000	316.360	81.052	417.340	18.000	
I	NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN	68.625	93.837	1.625	60.000	12.412	19.800			
	<i>Công trình chuyển tiếp - hoàn thành</i>	68.625	93.837	1.625	60.000	12.412	19.800			
1	Xây dựng Nông thôn mới	60.000	60.000		60.000					
2	Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013	5.000	5.000			5.000				
3	Dự án nâng cấp trại giống cây trồng vật nuôi thành trung tâm giống lâm nghiệp tỉnh Bình Phước (Vốn đối ứng với NSTW)	2.000	2.000			2.000				

4	Kênh tiêu thoát nước suối Cầu Trắng, phường Phú Đức, thị xã Bình Long (giai đoạn 1 và 2)		5.700						5.700						UBND thị xã Bình Long
5	Hệ thống kênh nội đồng thuộc công trình hồ chứa nước Đồng Xoài		10.000						10.000						Sở NN và PTNT
6	Hồ chứa nước Sơn Lợi		4.100						4.100						Sở NN và PTNT
7	Thanh toán kinh phí mua xi măng các công trình thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		5.412					5.412							
a	Thị xã Đồng Xoài		205					205							UBND thị xã Đồng Xoài
b	Thị xã Bình Long		1.208					1.208							UBND thị xã Bình Long
c	Huyện Bù Đăng		860					860							UBND huyện Bù Đăng
d	Huyện Lộc Ninh		1.225					1.225							UBND huyện Lộc Ninh
e	Huyện Bù Đốp		500					500							UBND huyện Bù Đốp
g	Huyện Chơn Thành		514					514							UBND huyện Chơn Thành
h	Huyện Hớn Quản		900					900							UBND huyện Hớn Quản
8	Các dự án bảo vệ và phát triển rừng		1.625				1.625								
a	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Hạt kiểm lâm thị xã Phước Long	48	48				48								Hạt KL thị xã Phước Long
b	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	85	85				85								Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng
c	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Công ty TNHH MTV Cao su Phước Long	462	462				462								Công ty TNHH MTV Cao su Phước Long
d	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé	30	30				30								Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
e	Dự án trồng rừng bán ngập vùng lòng hồ thủy điện Cánh Đơn	1.000	1.000				1.000								Hạt KL huyện Bù Đốp
II	 GIAO THÔNG - VẬN TẢI	37.900	358.983	260.931	15.000	20.900	61.252								

Công trình chuyển tiếp - hoàn thành		31.000	348.593	258.341	15.000	14.000	61.252	-	-	Số GT-VT
1	Đường vào trung tâm xã Tân Hòa - huyện Đông Phú	7.000	7.000		7.000					UBND huyện Đông Phú
2	Đường vào trung tâm xã Tân Lợi - huyện Đông Phú	8.000	8.000		8.000					UBND huyện Hớn Quản
3	Đường vào trung tâm xã Thanh An huyện Hớn Quản (Vốn đối ứng với NSTW)	9.000	9.000			9.000				Ban QL khu kinh tế
4	XD đường và kênh thoát nước tại khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư giai đoạn 2013-2017 (Vốn đối ứng với NSTW)	5.000	5.000			5.000				UBND thị xã Đồng Xoài
5	Đường Lê Quý Đôn thị xã Đồng Xoài	2.000	2.000	2.000						Số GT-VT
6	Xây dựng cầu Dak Lung 2		20.000				20.000			Số GT-VT
7	Đường vào xã Long Hà, huyện Bù Gia Mập		12.000				12.000			Số GT-VT
8	Đường vào xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp		6.400				6.400			Số GT-VT
9	Đường vào xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh		3.300				3.300			Số GT-VT
10	Nâng cấp, mở rộng ĐT759 đoạn từ Trung tâm xã Phước Tân, huyện Bù Gia Mập đến thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp		19.552				19.552			Số GT-VT
11	Đèn bù GPMB cho dự án BOT QL14 đoạn cầu 38 - Đồng Xoài		3.500	3.500						Số GT-VT
12	Đèn bù GPMB cho dự án BT đường Minh Hưng - Đồng Nơ		2.086	2.086						Số GT-VT
13	Đèn bù GPMB cho dự án BOT QL13 đoạn An Lộc - Chiu Riu		1.000	1.000						Số GT-VT
14	Dự án BT đường Lộc Tấn - Bù Đốp		247.902	247.902						Số GT-VT
15	Chi phí kiểm định đánh giá chất lượng công trình sau thi công dự án BT đường Lộc Tấn - Bù Đốp		1.853	1.853						Số GT-VT
Công trình khởi công mới		6.900	9.490	2.590	0	6.900	0	0	0	Số Công thưởng
1	Đường cấp lái mở Lộc Tấn - Tuân Lung	1.900	1.900			1.900				Số GT-VT
2	Đường tránh các điểm đen trên ĐT 741 tại khu vực Nhà máy thủy điện Thác Mơ	5.000	5.000			5.000				Số GT-VT



3	Dự án hệ thống thoát nước, vỉa hè trên QL.13 đoạn qua khu vực chợ Thanh Lương, thị xã Bình Long và đoạn từ chợ Lộc Thái đến cầu Mua, huyện Lộc Ninh	2.590	2.590	2.590	2.590	2.590	2.590	2.590	Số GT-VT
III	HA TĂNG ĐỘ THỊ		15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	
	Công trình chuyên tiếp - hoàn thành		10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	Số Xây dựng
1	Xây dựng hai tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa tỉnh (đường Nguyễn Chánh và đường QH số 30)		10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	UBND huyện Đồng Phú
	Công trình khởi công mới			5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	UBND thị xã Bình Long
1	Xây dựng hệ thống thoát nước khu vực ấp Bàu Ké - thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú			2.200	2.200	2.200	2.200	2.200	Trung tâm phòng chống sốt rét
2	Làng nhựa đường Đoàn thị Điểm nối dài, thị xã Bình Long			3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	UBND huyện Bù Gia Mập
IV	Y TẾ		47.000	53.000	53.000	53.000	53.000	53.000	UBND huyện Hớn Quản
	Công trình chuyên tiếp - hoàn thành		44.000	44.000	44.000	44.000	44.000	44.000	UBND thị xã Đồng Xoài
1	Trung tâm phòng chống sốt rét tỉnh (Vốn đối ứng với NSTW)		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh
2	Trung tâm y tế huyện Bù Gia Mập (Vốn đối ứng với NSTW)		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	UBND huyện Hớn Quản
3	Trung tâm y tế huyện Hớn Quản (Vốn đối ứng với NSTW)		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	UBND thị xã Đồng Xoài
4	Trung tâm y tế thị xã Đồng Xoài (Vốn đối ứng với NSTW)		4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh
5	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (Vốn đối ứng với NSTW)		7.000	7.000	7.000	7.000	7.000	7.000	UBND huyện Hớn Quản
6	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Hớn Quản		20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	UBND huyện Bù Gia Mập
	Công trình khởi công mới		3.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	
1	Xây dựng và lắp đặt hệ thống PCCC, cải tạo mái tôn khoa lão, khoa dược , khoa cán bộ cao cấp; sơn tường, chống thấm sê nô, hàng lang, cầu nổi - Bệnh viện ĐK tỉnh		3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	Bệnh viện đa khoa tỉnh
2	Bệnh viện Đa khoa huyện Bù Gia Mập (GD 2)			6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	UBND huyện Bù Gia Mập

V	GIAO DUC - ĐÀO TẠO	95.000	106.300	0	0	106.300	0	106.300		
	<i>Công trình chuyên tiếp - hoàn thành</i>	20.000	25.300	0	0	25.300	0	25.300		
1	Trường THPT chuyên thị xã Bình Long	5.000	5.000			5.000		5.000		UBND thị xã Bình Long
2	Xây dựng Trường THPT Phước Bình, thị xã Phước Long	10.000	10.000			10.000		10.000		Sở GD - ĐT
3	Trường mầm non xã Tân Hưng, huyện Hớn Quán	2.500	2.500			2.500		2.500		UBND huyện Hớn Quán
4	Trường PTDT nội trú cấp 2,3 huyện Bù Gia Mập		5.300			5.300		5.300		Sở GD - ĐT
5	Trường MN Tân Khai B, xã Tân Khai, huyện Hớn Quán	2.500	2.500			2.500		2.500		UBND huyện Hớn Quán
	<i>Công trình khởi công mới</i>	75.000	81.000	-	-	81.000		81.000		
1	Xây dựng Trường THPT Đa Kìa huyện Bù Gia Mập	10.000	10.000			10.000		10.000		Sở GD - ĐT
2	10 phòng học lầu Trường THPT Chu Văn An, huyện Chơn Thành	3.000	3.000			3.000		3.000		Sở GD - ĐT
3	Hỗ trợ xây dựng trường Mẫu giáo thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	12.000	12.000			12.000		12.000		UBND huyện Lộc Ninh
4	Hỗ trợ xây dựng trường Mẫu giáo Đức Phong, huyện Bù Đăng	8.000	8.000			8.000		8.000		UBND huyện Bù Đăng
5	Hỗ trợ xây dựng trường Mầm non Tân Tiến, huyện Đồng Phú	9.000	9.000			9.000		9.000		UBND huyện Đồng Phú
6	Hỗ trợ xây dựng trường mầm non Tuổi Thơ, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành	6.000	6.000			6.000		6.000		UBND huyện Chơn Thành
7	Hỗ trợ xây dựng trường mầm non An Khương, xã An Khương, huyện Hớn Quán	5.000	5.000			5.000		5.000		UBND huyện Hớn Quán
8	Xây dựng khối nhà học trường chính trị tỉnh	5.000	5.000			5.000		5.000		Trường Chính trị tỉnh
9	12 phòng học và hạ tầng kỹ thuật trường THPT Nguyễn Du	4.000	4.000			4.000		4.000		Sở GD - ĐT
10	Xây dựng nhà tập đa năng, hạ tầng kỹ thuật và sửa chữa phòng học trường THPT Bù Đăng	5.000	5.000			5.000		5.000		Sở GD - ĐT
12	Trường mầm non Tiến Hưng - thị xã Đồng Xoài		6.000			6.000		6.000		UBND thị xã Đồng Xoài

13	Trường THPT Ngô Quyền, huyện Bù Gia Mập	8.000	8.000				8.000												Số GD - ĐT
VI	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	17.600	17.600				17.600												
	Công trình chuyển tiếp - hoàn thành	4.000	4.000				4.000												
1	XD khu thực nghiệm và ITB phục vụ nghiên cứu phát triển KHCN sinh học - TT ứng dụng tiến bộ KHCN tỉnh	300	300				300												Số KH-CN
2	Bổ sung hệ thống giao ban điện tử trực tuyến tỉnh	1.300	1.300				1.300												Số TT-TT
3	Đầu tư TTB nâng cao năng lực quản lý về trồng trọt và bảo vệ thực vật	500	500				500												Số KH-CN
4	Xây dựng sơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin khoa học, công nghệ tỉnh	1.900	1.900				1.900												Số KH-CN
	Công trình khởi công mới	13.600	13.600				13.600												
1	Dự án một cửa điện tử tại UBND các huyện, thị xã	4.500	4.500				4.500												Văn phòng UBND tỉnh
2	Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác kiểm nghiệm và nghiên cứu khoa học về dược phẩm và mỹ phẩm	5.000	5.000				5.000												Số KH-CN
3	Thiết bị ứng dụng năng lượng tái tạo cho nông dân tại ấp Papech, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú	1.700	1.700				1.700												Số KH-CN
4	Vườn nhân chồi và vườn ươm giống cây điều, cà phê năng suất cao	2.400	2.400				2.400												Số KH-CN
VII	VĂN HÓA - XÃ HỘI	31.700	63.948	0	0	63.948	0	0	63.948										
	Công trình chuyển tiếp - hoàn thành	28.000	44.848	0	0	44.848	0	0	44.848										
1	Trung tâm Văn hóa - Thông tin tỉnh	28.000	43.000				43.000												Số VH - TT và DL
2	Di tích mộ tập thể 3000 người		1.848				1.848												UBND thị xã Bình Long
	Công trình khởi công mới	3.700	19.100				19.100												
1	Sân lễ hội, hệ thống điện nước thuộc khu bảo tồn VHDT Suối - Sóc BomBo	3.700	3.700				3.700												Số VH - TT và DL
2	Xây dựng công trình Khu tái định cư thuộc khu bảo tồn VHDT Stiêng, sok Bom Bo		2.000				2.000												Số VH - TT và DL

3	Đường vành đai khu A thuộc dự án phim trường kết hợp với khu du lịch trang cỏ Bù Lạch			13.400					13.400										Đài PTTH
VIII	<u>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</u>	11.000		11.000															
	<u>Công trình chuyên tiếp - hoàn thành</u>	4.000		4.000															
1	Trụ sở làm việc Đảng ủy khối DN tỉnh	4.000		4.000															Đang ủy khởi doanh nghiệp tỉnh
	<u>Công trình khởi công mới</u>	7.000	0	7.000	0														Trung tâm xúc tiến thương mại, du lịch và đầu tư
1	Trụ sở Trung tâm xúc tiến thương mại, du lịch và đầu tư	5.000		5.000															Trung tâm xúc tiến thương mại, du lịch và đầu tư
2	Trụ sở Trung tâm phát triển quỹ đất	2.000		2.000															Trung tâm phát triển quỹ đất
IX	<u>QUỐC PHÒNG - AN NINH</u>	10.000	10.000	12.000	10.000														
	<u>Công trình chuyên tiếp - hoàn thành</u>	5.000		5.000	5.000														
1	Trụ sở Đồn PCCC khu vực huyện Chơn Thành	5.000	5.000	5.000	5.000														Công an tỉnh
	<u>Công trình khởi công mới</u>	5.000		7.000	5.000														
1	Nhà làm việc khu căn cứ hậu cần kỹ thuật Bộ CHQS tỉnh																		BỘ CHQS tỉnh
2	Doanh trại đội K72 (giai đoạn 2)	5.000	5.000	5.000	5.000														BỘ CHQS tỉnh
X	<u>THANH TOÁN CÁC CÔNG TRÌNH QUYẾT TOÁN</u>	10.000		14.000															Giao KBNN tính căn cứ hồ sơ công trình đã được Sở Tài chính quyết toán để giải ngân theo đề nghị của Chủ đầu tư
																			Có biểu chi tiết kèm theo
XI	<u>HỖ TRỢ THEO MỨC TIÊU TỬ NSTW</u>	350.300		417.340															417.340
XII	<u>THU TỬ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (GHI THU GHI CHI)</u>			99.000															
XIII	<u>VỐN NƯỚC NGOÀI</u>	18.000		18.000															
B	<u>VỐN PHÂN CẤP HUYỆN - THỊ</u>	266.500		389.720	149.500														
I	<u>THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI</u>	40.100		46.100	16.100														
1	Vốn cân đối theo tiêu chí	16.100		16.100	16.100														
2	Tiền sử dụng đất	24.000		30.000															
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu																		
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề				1.500														
	- Khoa học, công nghệ				500														

II	THI XÃ BÌNH LONG		24.640	26.440	15.640	10.800
1	Vốn cân đối theo tiêu chí	15.640	15.640	15.640		
2	Tiền sử dụng đất	9.000	10.800		10.800	
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu					
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề			1.500		
	- Khoa học, công nghệ			500		
III	THI XÃ PHƯỚC LONG	25.800	137.800	13.800	124.000	
1	Vốn cân đối theo tiêu chí	13.800	13.800	13.800		
2	Tiền sử dụng đất	12.000	124.000		124.000	
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu					
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề			1.500		
	- Khoa học, công nghệ			500		
IV	HUYỆN ĐÔNG PHÚ	28.100	28.100	16.100	12.000	
1	Vốn cân đối theo tiêu chí	16.100	16.100	16.100		
2	Tiền sử dụng đất	12.000	12.000		12.000	
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu					
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề			1.500		
	- Khoa học, công nghệ			500		
V	HUYỆN BÙ ĐĂNG	26.020	27.220	17.020	10.200	
1	Vốn cân đối theo tiêu chí	17.020	17.020	17.020		
2	Tiền sử dụng đất	9.000	10.200		10.200	
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu					
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề			1.500		
	- Khoa học, công nghệ			500		
VI	HUYỆN BÙ GIA MẬP	27.425	24.695	17.825	6.870	
1	Vốn cân đối theo tiêu chí	17.825	17.825	17.825		
2	Tiền sử dụng đất	9.500	6.870		6.870	
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu					
	- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề			1.500		
	- Khoa học, công nghệ			500		
VII	HUYỆN CHƠN THÀNH	24.650	24.650	12.650	12.000	
1	Vốn cân đối theo tiêu chí	12.650	12.650	12.650		
2	Tiền sử dụng đất	12.000	12.000		12.000	
	Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu					

SINH PHỤC

		- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề							1.500				
		- Khoa học, công nghệ						500					
VIII		HUYỆN HÓN QUẬN		19.505		19.505	12.305	7.200					
1		Vốn cân đối theo tiêu chí		12.305		12.305	12.305						
2		Tiền sử dụng đất		7.200		7.200		7.200					
		Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu											
		- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề					1.500						
		- Khoa học, công nghệ					500						
IX		HUYỆN LỘC NINH		32.785		32.785	15.985	16.800					
1		Vốn cân đối theo tiêu chí		15.985		15.985	15.985						
2		Tiền sử dụng đất		16.800		16.800		16.800					
		Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu											
		- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề					1.500						
		- Khoa học, công nghệ					500						
X		HUYỆN BÙ ĐÓP		17.475		18.075	12.075	6.000					
1		Vốn cân đối theo tiêu chí		12.075		12.075	12.075						
2		Tiền sử dụng đất		5.400		6.000		6.000					
		Trong đó giao đảm bảo cơ cấu tối thiểu											
		- Giáo dục, đào tạo, dạy nghề					1.500						
		- Khoa học, công nghệ					500						
XI		HUYỆN PHÚ RIÊNG				4.350		4.350					
1		Tiền sử dụng đất				4.350		4.350					

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2015

Nguồn vốn : Xây dựng cơ bản tập trung (phân cấp huyện, thị xã quản lý)

(Kèm theo Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 12 tháng 08 năm 2015 của UBND tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch 2015	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Tổng cộng	60.000		
I	Thị xã Đồng Xoài	14.000		
1	Xã Tân Thành	2.000	UBND xã Tân Thành	
2	Xã Tiến Hưng	12.000	UBND xã Tiến Hưng	Thực hiện KH số 170/KH-UBND ngày 9/9/2014
II	Huyện Đồng Phú	4.000		
1	Xã Tân Phước	2.000	UBND xã Tân Phước	
2	Xã Thuận Phú	2.000	UBND xã Thuận Phú	
III	Thị xã Bình Long	4.000		
1	Xã Thanh Lương	2.000	UBND xã Thanh Lương	
2	Xã Thanh Phú	2.000	UBND xã Thanh Phú	
IV	Thị xã Phước Long	4.000		
1	Xã Phước Tín	2.000	UBND xã Phước Tín	
2	Xã Long Giang	2.000	UBND xã Long Giang	
V	Huyện Bù Gia Mập	4.000		
1	Xã Phú Nghĩa	2.000	UBND xã Phú Nghĩa	
2	Xã Bù Gia Mập	2.000	UBND xã Bù Gia Mập	
VI	Huyện Chơn Thành	14.000		
1	Xã Minh Thành	12.000	UBND xã Minh Thành	Thực hiện KH số 170/KH-UBND ngày 9/9/2014
2	Xã Minh Hưng	2.000	UBND xã Minh Hưng	
VII	Huyện Bù Đăng	4.000		
1	Xã Minh Hưng	2.000	UBND xã Minh Hưng	
2	Xã Đức Liễu	2.000	UBND xã Đức Liễu	
VIII	Huyện Bù Đốp	4.000		
1	Xã Tân Thành	2.000	UBND xã Tân Thành	
2	Xã Thiện Hưng	2.000	UBND xã Thiện Hưng	
IX	Huyện Hớn Quản	4.000		
1	Xã An Khương	2.000	UBND xã An Khương	
2	Xã Thanh Bình	2.000	UBND xã Thanh Bình	
X	Huyện Lộc Ninh	4.000		
1	Xã Lộc Hiệp	2.000	UBND xã Lộc Hiệp	
2	Xã Lộc Hưng	2.000	UBND xã Lộc Hưng	

Ghi chú: UBND các huyện, thị xã phân khai chi tiết kế hoạch vốn nêu trên

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN HỖ TRỢ THEO MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2015
(Kèm theo Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2014		KẾ HOẠCH NĂM 2015	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
	Tổng cộng (A+B)		2.769.358	2.161.938	960.175	715.175	417.340		
A	Nguồn giao đầu năm		2.573.758	1.979.710	853.946	613.946	350.300		
I	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng		738.631	507.552	328.900	198.900	129.400		
1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2015		200.990	156.652	165.000	125.000	20.000		
	Đường ĐT 741 từ Phước Long đi Bù Gia Mập	703/QĐ-UBND ngày 24/3/2009, 1657/QĐ-UBND ngày 21/8/2012	200.990	156.652	165.000	125.000	20.000	Sở GT-VT	
2	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015		537.641	350.900	163.900	73.900	109.400		
2.1	Nâng cấp, mở rộng ĐT 759 đoạn từ trung tâm xã Phước Tân huyện Bù Gia Mập đến thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp	1840/QĐ-UBND ngày 11/10/2013	363.657	253.000	66.000	46.000	67.400	Sở GT-VT	

2,2	Đường liên xã từ Ngã ba Cây Diệp đến sông Mã Đà (ĐT 753) phục vụ, cứu hộ, cứu nạn các xã phía đông huyện Đông Phú	1512/QĐ-UBND ngày 16/8/2013; 2351/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	173.984	97.900	97.900	27.900	42.000	Số GT-VT
II	Chương trình hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định 755/QĐ-TTg (Chương trình 134 kéo dài)			5.000			5.000	
1	Thị xã Đông Xoài						500	UBND Thị xã Đông Xoài
2	Thị xã Phước Long						500	UBND Thị xã Phước Long
3	Thị xã Bình Long						500	UBND Thị xã Bình Long
4	Huyện Bù Đăng						500	UBND Huyện Bù Đăng
5	Huyện Đồng Phú						500	UBND Huyện Đồng Phú
6	Huyện Chơn Thành						500	UBND Huyện Chơn Thành
7	Huyện Hớn Quản						500	UBND Huyện Hớn Quản
8	Huyện Lộc Ninh						500	UBND Huyện Lộc Ninh
9	Huyện Bù Đốp						500	UBND Huyện Bù Đốp
10	Huyện Bù Gia Mập						500	UBND Huyện Bù Gia Mập
III	Đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt Nam - Cam puchia			7.500			7.500	
1	Huyện Lộc Ninh						3.500	

2	Huyện Bù Đốp									Đầu tư cho 15 xã biên giới theo định mức 500 triệu đồng/xã	3.000	
3	Huyện Bù Gia Mập										1.000	
IV	Hỗ trợ đầu tư các tỉnh huyện mới chia tách											
1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2015											
1,1	Trụ sở làm việc huyện ủy Hớn Quản	503/QĐ-UBND ngày 02/3/2011	47.000	47.000	276.500	124.682	124.682	311.440	311.440	47.000	14.000	UBND huyện Hớn Quản
1,2	Trụ sở làm việc UBND huyện Hớn Quản	502/QĐ-UBND ngày 02/3/2011	47.500	47.500	47.500	33.000	33.000	47.500	47.500	47.500	14.500	UBND huyện Hớn Quản
1,3	Trụ sở làm việc UBND huyện Bù Gia Mập	2194/QĐ-UBND ngày 24/9/2010	41.100	41.100	41.100	36.682	36.682	41.100	41.100	41.100	4.300	UBND huyện Bù Gia Mập
1,4	Hội trường UBND huyện Bù Gia Mập	2194/QĐ-UBND ngày 24/9/2010	25.900	25.900	25.900	22.000	22.000	25.900	25.900	25.900	3.500	UBND huyện Bù Gia Mập
2	Các dự án khởi công mới năm 2015		149.940	149.940	115.000	0	0	149.940	149.940	115.000	23.700	
2,1	Đường trục chính Bắc-Nam (nối dài) thuộc Trung tâm Hành chính huyện Hớn quản	2320/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	63.223	63.223	50.000			63.223	63.223	50.000	9.600	UBND huyện Hớn Quản
2,2	Đường ĐH 312 từ xã Phú Riềng đi xã Phú Trung huyện Bù Gia Mập	3751/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	36.808	36.808	25.000			36.808	36.808	25.000	4.600	UBND huyện Bù Gia Mập
2,3	Đường từ N1 đến bến xe mới huyện Bù Đốp hướng ra tuyến biên giới, huyện Bù Đốp	2322/QĐ-UBND ngày 29/10/2014	49.909	49.909	40.000			49.909	49.909	40.000	9.500	UBND huyện Bù Đốp
V	Các dự án cấp bách khác của địa phương		311.446	311.446	235.362	229.636	119.636	311.446	311.446	235.362	30.000	
1	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015		311.446	311.446	235.362	229.636	119.636	311.446	311.446	235.362	30.000	
1,1	Nâng cấp tuyến đường cứu hộ, cứu nạn Sao Bông - Đàng Hà	482/QĐ-UBND ngày 5/3/2010	137.462	137.462	137.462	131.736	91.736	137.462	137.462	131.736	10.000	Sở NN&PTNT

1,2	Đường liên xã từ Ngã ba Cây Diệp đến sông Mã Đà (ĐT 753) phục vụ, cứu hộ, cứu nạn các xã phía đông huyện Đông Phú	1512/QĐ-UBND ngày 16/8/2013; 2351/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	173.984	97.900	97.900	27.900	20.000	Sở GT-VT
VI	Hỗ trợ hạ tầng du lịch		68.853	55.082	20.524	20.524	8.000	
1	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015		68.853	55.082	20.524	20.524	8.000	
1	Xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông hồ chứa và hệ thống cấp nước thuộc KDL và bảo tồn văn hóa dân tộc Stieng-Sóc Bom Bo	2003/QĐ-UBND 5/9/2011	68.853	55.082	20.524	20.524	8.000	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch
VII	Chương trình phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản		43.972	35.600	18.404	18.404	7.000	
1	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015		43.972	35.600	18.404	18.404	7.000	
1	Dự án nâng cấp trại giống cây trồng vật nuôi thành trung tâm giống lâm nghiệp tỉnh Bình Phước	2358/QĐ-UBND ngày 12/10/2010	43.972	35.600	18.404	18.404	7.000	Sở NN&PTNT
VIII	Chương trình di dân định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số		82.612	82.612	35.100	35.100	25.000	
1	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015		82.612	82.612	35.100	35.100	25.000	
1,1	Dự án Hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn áp Thạch Màng, xã Tân Lợi, huyện Đông Phú	921/QĐ-UBND ngày 13/04/2011	11.782	11.782	10.538	10.538	1.100	UBND huyện Đông Phú
1,2	Hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số tại xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh	2198/QĐ-UBND ngày 5/10/2011	11.834	11.834	2.000	2.000	8.200	UBND huyện Lộc Ninh

1,3	Hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số tại xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh	2200/QĐ-UBND ngày 05/10/2011	12.408	12.408	2.000	2.000	2.000	8.200	UBND huyện Lộc Ninh
1,4	Dự án di dân thực hiện ĐCĐC tập trung cho đồng bào dân tộc thiểu số tại thôn 8 xã Đông Nai, huyện Bù Đăng	14/QĐ-UBND ngày 05/01/2010	13.228	13.228	8.697	8.697	8.697	3.700	UBND huyện Bù Đăng
1,5	Dự án hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã ĐaK O, huyện Bù Gia Mập	638/QĐ-UBND ngày 25/03/2011	33.360	33.360	11.865	11.865	3.800	UBND huyện Bù Gia Mập	
IX	Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu		145.033	51.000	21.200	21.200	8.800		
I	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015		145.033	51.000	21.200	21.200	8.800		
I	Đường và kênh thoát nước tại khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư giai đoạn 2013-2017	2158a/QĐ-UBND ngày 24/10/2012, 2678/QĐ-UBND ngày 31/12/2012	145.033	51.000	21.200	21.200	8.800	8.800	Ban QL khu kinh tế
X	Chương trình quản lý, bảo vệ biên giới		82.972	67.260	31.000	31.000	25.000		
I	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015		52.444	40.260	31.000	31.000	9.000		
I	Đường nhựa giao thông biên giới (tuyến Hoa Lư - Chiu Riu và Lộc Thiện-Tà Nốt) Đoạn 1 tuyến Hoa Lư - Chiu Riu vào đơn biên phòng 803	1778/QĐ-UBND ngày 28/7/2011	52.444	40.260	31.000	31.000	9.000		Bộ CH bộ đội biên phòng
2	Các dự án khởi công mới năm 2015		30.528	27.000			16.000		
I	Đường nhựa giao thông biên giới (tuyến Hoa Lư và Lộc Thiện-Tà Nốt) Đoạn 2 tuyến Lộc Thiện-Tà Nốt	2338/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	30.528	27.000			16.000		Bộ CH bộ đội biên phòng
XI	Hỗ trợ đầu tư các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện		52.740	25.590	8.000	8.000	14.000		
I	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015		37.047	16.090	8.000	8.000	8.000		
1,1	Trung tâm phòng chống sốt rét tỉnh	278/QĐ-UBND ngày 21/2/2013	7.200	2.900	2.000	2.000	900		Trung tâm phòng chống sốt rét

1,2	Trung tâm y tế huyện Bù Gia Mập	673/QĐ-UBND ngày 24/4/2013	8.237	3.690	2.000	2.000	2.000	1.600	UBND huyện Bù Gia Mập
1,3	Trung tâm y tế huyện Hớn Quản	639/QĐ-UBND ngày 24/4/2013	11.656	5.100	2.000	2.000	2.000	3.100	UBND huyện Hớn Quản
1,4	Trung tâm y tế thị xã Đồng Xoài	638/QĐ-UBND ngày 24/4/2013	9.954	4.400	2.000	2.000	2.000	2.400	UBND thị xã Đồng Xoài
2	Các dự án khởi công mới năm 2015		15.693	9.500				6.000	
1	Mua sắm trang thiết bị bệnh viện đa khoa huyện Bù Gia Mập	2277/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	15.693	9.500				6.000	UBND huyện Bù Gia Mập
XII	Hỗ trợ trung tâm giáo dục, lao động xã hội và phục hồi chức năng cho người tàn tật, rối nhiễu tâm trí		5.568	1.670				1.600	
1	Các dự án khởi công mới năm 2015		5.568	1.670				1.600	
1	Hạ tầng kỹ thuật (phần còn lại) Trung tâm chữa bệnh, giáo dục lao động xã hội tỉnh Bình Phước	2033/QĐ-UBND ngày 30/10/2013	5.568	1.670				1.600	Sở LĐTBXH
XIII	Chương trình cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo giai đoạn 2013-2020 theo Quyết định số 2081/QĐ-TTg ngày 8/11/2013		676.725	575.216				15.000	
1	Các dự án khởi công mới năm 2015		676.725	575.216				15.000	
1	Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020	1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014	676.725	575.216				15.000	Sở Công thương
XIV	Phát triển và bảo vệ rừng bền vững		53.766	53.766	36.500	36.500	36.500	14.000	
1	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015		53.766	53.766	36.500	36.500	36.500	14.000	
1	Hỗ trợ Vườn QG Bù Gia Mập (hỗ trợ XD nhà kiểm lâm, trạm bảo vệ rừng, đường tuần tra ...)	313/QĐ-UBND ngày 28/6/2012, 1565/QĐ-UBND ngày 3/8/2012, 1590/QĐ-UBND ngày 8/8/2012	53.766	53.766	36.500	36.500	36.500	14.000	Vườn QG Bù Gia Mập



B	Nguồn bổ sung																				
I	Nguồn kết dư năm 2014																				
1	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng																				
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành</i>																				
	Phát triển truyền thanh cơ sở các huyện miền núi, biên giới tỉnh Bình Phước																				Đài PTTH
2	Đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới VN-CPC (theo QĐ 160/2007/QĐ-TTg, ngày 17/10/2007)																				
2.1	Huyện Lộc Ninh																				
2.2	Huyện Bù Đốp																				
2.3	Huyện Bù Gia Mập																				Bố trí các công trình chuyển tiếp thuộc Chương trình
3	Hỗ trợ đầu tư huyện mới chia tách																				
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành</i>																				
	Trụ sở huyện ủy Bù Gia Mập																				
	Chương trình phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản																				
4	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành</i>																				
	Dự án nâng cấp trại giống cây trồng vật nuôi thành trung tâm giống lâm nghiệp tỉnh Bình Phước																				
	Chương trình di dân ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số (theo QĐ số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007)																				
5	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành</i>																				
	Dự án di dân thực hiện ĐCĐC tập trung cho đồng bào dân tộc thiểu số tại thôn 8 xã Đông Nai, huyện Bù Đăng																				

	Dự án hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã ĐaK O, huyện Bù Gia Mập	638/QĐ-UBND ngày 25/03/2011	33.360	33.360	11.114	11.114	751	UBND huyện Bù Gia Mập
6	Chương trình bảo vệ & phát triển rừng bền vững		44.651	44.651	12.580	12.580	2	
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành</i>		44.651	44.651	12.580	12.580	2	
	Tiểu dự án đầu tư xây dựng các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng tại vườn QG Bù Gia Mập	2173/QĐ-UBND ngày 25/10/2012	44.651	44.651	12.580	12.580	2	Vườn QG Bù Gia Mập
7	Khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ đông xuân năm 2013-2014 (đợt 2)						226	
	Nâng cao mực nước hồ Nông trường 6 bằng đập cao su đặt trên ngưỡng tràn xả lũ xã Long Hà huyện Bù Gia Mập						226	Sở NN&PTNT
8	Nguồn vốn kết dư từ năm 2013						3.289	Tiếp tục bố trí cho các Chương trình chuyển tiếp
II	Nguồn dự phòng		137.462	137.462	131.736	91.736	30.000	
1	Nâng cấp tuyến đường cứu hộ, cứu nạn Sao Bông - Dăng Hà	482/QĐ-UBND ngày 5/3/2010	137.462	137.462	131.736	91.736	30.000	Sở NN&PTNT
III	Dự án ổn định dân di cư tự do cấp bách		0	0	0	0	15.000	
1	Dự án hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007-2010 trên địa bàn thôn 8 xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng						4.000	UBND huyện Bù Đăng
2	Tiểu dự án TĐC khu Đa Bông Cua, thuộc dự án đầu tư bố trí hợp lý dân cư ở VQG Cát Tiên						6.000	Sở NN&PTNT

3	Dự án đầu tư di dời và ổn định dân DCID trong lâm phần BQL rừng phòng hộ Đăk Mai									5.000	UBND huyện Bù Gia Mập
IV	Bổ sung thực hiện chính sách theo Quyết định 755/QĐ-TTg (Hỗ trợ đất sản xuất, mua sắm máy nông cụ và nước phân tán)									4.000	
	Huyện Bù Đăng									600	
	Huyện Bù Đốp									600	
	Huyện Bù Gia Mập									500	
	Huyện Đồng Phú									1.000	
	Huyện Hớn Quản									950	
	Thị xã Bình Long									350	
V	Hỗ trợ kinh phí khác phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ đông xuân 2014-2015									11.000	Có bảng chi tiết kèm theo

**KẾ HOẠCH BỔ SUNG VỐN KINH PHÍ KHÁC PHỤC HẠN HẠN VÀ XÂM NHẬP MẶN VỤ
ĐÔNG XUÂN NĂM 2014-2015 - TỈNH BÌNH PHƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế bố trí vốn đến tháng 5/2015	Kế hoạch vốn bổ sung năm 2015	Ghi chú	
		Số QĐ, ngày tháng đầu tư	TMDT				
			Tổng số				Trong đó: vốn ĐTPT nguồn NSNN
TỔNG CỘNG			52.995	42.118	26.730	11.000	
I	Các công trình chuyển tiếp		52.995	42.118	26.730	9.900	
1	Cấp nước SHTT xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng	2650/QĐ-UBND ngày 30/12/2013	14.357	10.606	7.944	1.376	Xã nông thôn mới
2	Cấp nước SHTT thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp	2279/QĐ-UBND ngày 27/11/2013	13.009	9.045	5.617	2.300	
3	Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước SHTT xã Long Hà, huyện Bù Gia Mập	1521/QĐ-UBND ngày 19/8/2013	5.770	5.770	4.423	1.180	
4	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh thuộc HTTL An Khương, huyện Hớn Quản	992/QĐ-SKHĐT ngày 20/8/2014	2.554	2.554	2.388	110	
5	Kênh tưới giai đoạn II hồ Ba Veng xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản	2325/QĐ-UBND ngày 24/11/2014	3.265	3.265	2.598	195	
6	Nâng cao mực nước hồ NT6 bằng đập cao su đặt trên ngưỡng tràn xả lũ, xã Long Hà, huyện Bù Gia Mập.	1160/QĐ-UBND ngày 16/12/2014	2.154	2.154	460	1.344	
7	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Thành, huyện Bù Đốp		11.886	8.724	3.300	3.395	Đối ứng Xã nông thôn mới
II	Các công trình sửa chữa nhỏ		-	-	-	1.100	
1	Sửa chữa hư hỏng do mưa lũ gây ra tại công trình hồ NT4, xã Long Hưng, huyện Bù Gia Mập		-	-	-	300	
2	Sửa chữa mặt đập hồ chứa nước Đồng Xoài		-	-	-	200	
3	Đắp đập tạm suối Ba Veng xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản		-	-	-	300	
4	Nạo vét lòng hồ và cống xả đáy công trình thủy lợi Bù Môn, huyện Bù Đăng		-	-	-	300	

Ghi chú: Đối với các hạng mục chuyển tiếp: Các hạng mục công trình được giao kế hoạch vốn đã được Sở NN&PTNT trừ các khoản dự phòng phí và chi phí khác không thực hiện. Việc phát sinh để gây xây ra nợ đọng XDCCB, Sở NN&PTNT chịu trách nhiệm. Đối với các hạng mục sửa chữa nhỏ: Sở NN&PTNT căn cứ vào số vốn được giao tại Quyết định này để triển khai lập dự toán - tổng mức dự toán cho từng công trình đảm bảo không vượt kế hoạch được giao.